



游 客

yóukè · du khách · khách du lịch

yóu

丶 丶 丶 丶 丶 丶 丶 丶 丶 游 游 游

游 游 游 游

kè

丶 丶 丶 丶 丶 宀 宀 客 客

客 客 客 客